

Bản án số: 139/2023/DS-PT

Ngày 09 - 5 - 2023

V/v đòi lại tài sản là quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3 và ngày 09/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 329/2022/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng P, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T2, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Chí T3, sinh năm 1984 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Bé Mơ), sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Quốc C, sinh năm 1990 (có mặt).

4. Ông Huỳnh Quốc K, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

5. Bà Trần Thị L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C.

6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường T, Quận Ba Đình, H.

7. Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường 5, thành phố C, tỉnh C.

- *Nhân chứng*: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1936 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Bà Phạm Hồng P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phạm Hồng P trình bày: Về nguồn gốc đất do cha mẹ chồng của bà là ông Huỳnh Văn Quén và bà Nguyễn Thị Tư để lại cho vợ chồng bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, diện tích 23.890m², gồm các thửa 0014, 0015, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do chồng bà là ông Huỳnh Văn Chiến đứng tên. Năm 2013 chồng bà có cho ông Huỳnh Văn T1 mượn 1.000m² đất để cuộc đầm nuôi tôm, khi cho mượn không làm giấy tờ. Năm 2014 ông Huỳnh Văn Chiến chết, bà vẫn để đất cho ông T1 canh tác do bà chưa có nhu cầu sử dụng. Năm 2021 có dự án trạm biến áp có trụ điện trên phần đất diện tích 300m² nằm trong diện tích đất 1.000m² nói trên, giá trị bồi thường khi thu hồi đất là 27.800.000 đồng, số tiền này gia đình bà phải được bồi thường do đất đứng tên chồng bà nhưng ông T1 đứng ra tranh chấp. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Võ Thị T2 trả lại phần đất chồng bà cho ông T1 mượn trước đây với diện tích khoảng 1.000m² trong đó có diện tích 300m² nhà nước thu hồi để gia đình bà được nhận tiền bồi thường.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T1 và bà Võ Thị T2 trình bày: Ông bà canh tác phần đất của ông bà để lại từ năm 1981 cho đến nay. Trong thân tộc có nhiều người biết và có xác nhận ông có đầm nuôi tôm công nghiệp diện tích khoảng 1.000m² giáp ranh với ông Huỳnh Văn Quén là cha chồng của bà P. Do có liên quan đến việc nhận tiền hỗ trợ từ công trình Dự án Trạm biến áp 220kV Năm Căn và đường dây 220kV Năm Căn – Cà Mau 2 nên phát sinh tranh chấp. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà P vì ông bà không có mượn đất đất này và đã canh tác từ trước đến nay.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 329/2022/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng P về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 và bà Võ Thị T2 trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.210,9m², đất tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/6/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 03/01/2023, bà Phạm Hồng P có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Võ Thị T2 trả lại diện tích đất đã mượn 1.210,9m² nằm trong thửa số 14, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 101114 do ông Huỳnh Văn Chiến là chồng của bà Phạm Hồng P đứng tên được Nhà nước cấp Giấy năm 1995 và sửa án phí, chi phí tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 329/2022/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Võ Thị T2 trả lại diện tích đất đã mượn 910,9m² (đổi trừ phần đất đã thu hồi dự án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ và phúc thẩm bà P cho rằng đất này do ông Huỳnh Văn Chiến là chồng bà đứng tên đã cho ông Huỳnh Văn T1, bà Võ Thị T2 mượn nên yêu cầu trả lại diện tích đất đã mượn 1.210,9m².

Như vậy nội dung cần xem xét là có việc mượn hay không? Xét về nguồn gốc theo lời trình bày của bà P phần đất tranh chấp trước đây là ao trũng nên chồng bà cho ông T1 mượn phần đất đang tranh chấp để nuôi tôm năm 2013, năm 2014 ông Chiến chết bà vẫn tiếp tục cho ông T1 mượn do chưa có nhu cầu sử dụng. Ông T1 xác định ông quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ khi ông có gia đình vào năm 1981 và ông đã sử dụng đối với phần đất này cả một quá trình dài không ai ngăn cản hay đòi lại đất mãi đến năm 2020 do có Dự án Trạm biến áp 220kV Năm Căn và đường dây 220kV Năm Căn – Cà Mau 2 (Dự án) thu hồi diện tích 268,3m² nằm trong phần đất tranh chấp với số tiền bồi thường là 27.169.944 đồng thì mới phát sinh tranh chấp. Bà P thừa nhận rằng việc cho mượn không có giấy tờ, tài liệu gì thể hiện cũng không ai chứng kiến và tại phiên tòa phúc thẩm bà cũng cho rằng chồng bà và cha chồng cũng không nói lại việc mượn nhưng bà suy nghĩ và biết việc mượn này. Tại cấp phúc thẩm bà P cung cấp thêm tờ tường thuật của bà Huỳnh Thị Vụ là cô chồng của bà P, bà Vụ xác nhận phần đất tranh chấp là do ông bà để lại cho ông Quén, bà Tư, đến năm 2013 ông Quén cho ông T1 mượn đất phần đất này để nuôi tôm.

Theo các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ đôi bên phát sinh tranh chấp từ năm 2022, nghĩa là sau khi có dự án đường điện đi qua và xuất phát từ việc tranh chấp khoản tiền nhà nước bồi thường. Điều này thể hiện vào ngày 19/3/2021 ông T1 có yêu cầu cơ quan địa chính đến đo đạc đất để làm giấy bà P đồng ý, có ký giáp ranh và tại Biên bản hòa giải (BL65, 66) bà P khai rằng: “bà có ký tên vào biên bản giáp

ranh mô tả ranh giới cột mốc vì bà không nghĩ rằng đất của bà còn bên ông T1 1.000m²”. Như vậy lời trình bày này mâu thuẫn với trình bày bà biết chồng bà cho mượn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P cũng thừa nhận việc này nhưng cho rằng ông T1 thúc ép quá nên bà ký, nhận thấy lời trình bày của bà chưa đủ chứng cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát cho rằng vào năm 1995 khi kê khai đăng ký ông T1 đăng ký không có phần đất này, trong khi đó ông Chiến lại kê khai nên đất thuộc ông Chiến (bà P). Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 cho rằng khi kê khai do không đo đạc nên kê không chính xác diện tích, bà P thì cho rằng khi bà kê khai có biên bản, nhưng bà không cung cấp được tại Tòa và trong hồ sơ cũng không thể hiện chính xác việc đo đạc và ký giáp ranh chủ yếu dựa trên bản tự kê khai và cấp đại trà nên việc sai lệch diện tích là có thể có xảy ra. Song trong vụ án này bà P kiện đòi lại đất với lý do cho mượn nhưng hoàn toàn không có một chứng cứ gì thể hiện việc mượn nên cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu là có căn cứ.

Đối với phần đất thu hồi và nhận khoản tiền bồi thường, do không chấp nhận yêu cầu của bà P nên bà P không phải là người được nhận bồi thường. Cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh và xem xét giải quyết theo quy định.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng P là không được chấp nhận.

[2] Chi phí tố tụng là chi phí bản vẽ số tiền 4.888.000 đồng và xem xét, thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm là 400.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn có nghĩa vụ phải chịu chi phí này theo quy định, nguyên đơn đã thanh toán xong.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Phạm Hồng P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Hồng P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 329/2022/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng P về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 và bà Võ Thị T2 trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.210,9m², đất tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/6/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phạm Hồng P phải chịu số tiền 1.816.000 đồng. Ngày 10/02/2022, bà P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo

biên lai số 0004370 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ bà P còn phải nộp tiếp số tiền 1.516.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Hồng P phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 03/01/2023 bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005979 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

- Chi phí tố tụng: Chi phí bản vẽ số tiền 4.888.000 đồng và thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm là 400.000 đồng. Nguyên đơn có nghĩa vụ phải chịu chi phí này theo quy định, nguyên đơn đã thanh toán xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng